



UBND HUYỆN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 14 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

- + **Bữa sáng:** Cháo cá hồi cải bó xôi
- + **Bữa trưa:**
- Món mặn: Sườn non trứng cút kho rim
 - Món canh: Tôm rau thập cẩm
 - Món xào: Cà rốt khoai tây hấp
 - Phụ trưa: Chuối tiêu
- + **Bữa chiều:**
- Ăn xế: Hủ tiếu thịt gà.

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,420,000	114	328	4,211,800	208,200
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	11,492,000	114	328	11,700,200	(208,200)
Tổng tiền chợ:	15,912,000			15,912,000	-
Tổng số học sinh đi học:	442				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	17.06				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.75				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	9.31				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				4,211,800	
1	Cá hồi phi lê Métro	kg	4.60	760,000	3,496,000	
2	Cải bó xôi	kg	4.00	80,000	320,000	
3	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	1.00	82,000	82,000	
4	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
5	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	6.30	21,000	132,300	
6	Nếp thơm (nếp hương)	kg	3.00	32,000	96,000	
7	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
8	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	0.50	43,000	21,500	
9	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
10	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
II	Ăn chính + phụ				11,700,200	
1	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	4.10	32,000	131,200	
2	Chuối tiêu	Quả	445.00	2,900	1,290,500	
3	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	3.00	82,000	246,000	
4	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai /thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	

5	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
6	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	2.00	39,000	78,000	
7	Gạo bồ câu (cô may)	kg	24.00	21,000	504,000	
8	Hành lá	kg	0.48	50,000	24,000	
9	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
10	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
11	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.50	43,000	64,500	
12	Hũ tiêu Hoàng Nguyên 400gr (30 gói/thùng)	Gói	19.00	32,000	608,000	
13	Khoai tây Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	
14	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
15	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
16	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	2.00	23,000	46,000	
17	Rau dền đỏ	kg	5.00	36,000	180,000	
18	Rau mồng tơi	kg	4.00	30,000	120,000	
19	Sườn non	kg	20.40	195,000	3,978,000	
20	Thịt gà kiền làm sạch không lòng	kg	18.00	130,000	2,340,000	
21	Tôm loại 1	kg	3.50	230,000	805,000	
22	Thịt vai có da	kg	2.30	130,000	299,000	
23	Trứng cút sơ chế (kg)	kg	7.00	95,000	665,000	
TỔNG CỘNG					15,912,000	

Bằng chữ: Mười lăm triệu chín trăm mười hai ngàn đồng./.

